TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày 12-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Hoàng Hiệp – Phó Hiệu Trưởng trường THCS Châu H, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng

Ông Lâm Quang Toản – Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện Thạnh Trị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Trịnh Văn T, sinh ngày 01/01/1987 tại huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp Hữu C, xã Hòa T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Th và bà Nguyễn Thị Đ; vợ con: Chưa có; tiền án: Có 04 tiền án, cụ thể: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ X xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ X xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; năm 2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc T xét xử phúc thẩm xử phạt 03 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; năm 2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc T xét xử phúc thẩm xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tiền sự: Không; nhân thân: bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2019 chưa được xóa án tích; hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù trong một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng và được điều chuyển về Nhà tạm giữ Công an huyện Thạnh T (bị cáo có mặt).

- *Bị hại:* Em Lê Quốc K, sinh ngày 27/7/2005 (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh H, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1982 (có mặt).

2. Em Lê Trường A, sinh ngày 24/5/2004 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh H, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Lê Văn L cha ruột em Lê Trường A đồng thời là người đại diện hợp pháp của em Lê Trường A.

3. Ông Võ Thành L, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Huỳnh P, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Minh L, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đào V, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hữu C, xã Hòa T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng

3. Ông Lê Xuân V, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 23/01/2021 bị cáo T đến nhà của ông Lê Văn L, ngụ ấp Thạnh H, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng, khi gặp ông L, bị cáo nói xe mô tô của bị cáo bị Cảnh sát giao thông giữ nên xin ông L cho ngủ nhờ qua đêm thì ông L đồng ý. Đến ngày 24/01/2021 ông L đi vắng, ở nhà còn hai con của ông L là Lê Trường A, sinh năm 2004 và Lê Quốc K, sinh năm 2005, nên ba người đã tổ chức nhậu tại nhà. Trong lúc nhậu thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên T đã nói với K là T muốn đi mua thùng loa kẹo kéo và hứa sẽ mua cho K điện thoại di dộng và cục sạt dự phòng khoảng 3.700.000 đồng, K tin tưởng và hứa chở T đi đến siêu thị Điện Máy Xanh để mua những tài sản trên.

Khoảng 13 giờ cùng ngày K cầm theo điện thoại Samsung J7 Prime của Lê Trường A và điều khiển xe mô tô mô tô 83PT – 113.81 của gia đình và chở Trịnh Văn T đi đến siêu thị Điện Máy Xanh thuộc địa bàn thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Lúc này, T nói K đi xem lựa điện thoại và cục sạt dự phòng còn T thì xem lựa dàn nhạc Karaoke di động. Sau khi lựa xong, T mượn điện thoại của K để giả vờ điện cho người thân thông báo về việc rút tiền rồi trả lại cho K, sau đó T yêu cầu K cho mượn xe và điện thoại để T đi ra trụ ATM rút tiền. K đưa điện thoại Samsung J7 Prime và xe mô tô 83PT – 113.81 cho T đi rút tiền. K ở lại siêu thị Điện Máy Xanh đợi khoảng 30 phút không thấy T đến nên đã mượn nhân viên của Điện Máy Xanh gọi cho T thì T nói đang đợi rút tiền và yêu cầu K cung cấp mật khẩu điện thoại nhưng K không đồng ý, K tiếp tục đợi và nhờ nhân viên Điện Máy

Xanh gọi cho T thêm một lần nữa thì không liên lạc được. Đợi đến hơn một giờ vẫn không thấy T đến thì K biết đã bị lừa mất xe và điện thoại nên nhờ nhân viên Điện Máy Xanh đưa về nhà, sau đó đến Công an thị trấn Phú L, huyện Thạnh T trình báo sự việc.

Sau khi chiếm đoạt được xe và điện thoại của K, T điều khiển xe đến thị trấn Châu Th, huyện Châu Th và bán xe cho một người mua phế liệu dạo với giá 300.000 đồng, bán điện thoại cho một cửa hàng (không nhớ địa chỉ) với giá 200.000 đồng, số tiền bị cáo đã tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá số 2264/KL-HĐĐGTS ngày 16/06/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Sóc Trăng kết luận: chiếc mô tô nhãn hiệu Waye, màu sơn trắng bạc, biển số 83PT-113.81, số khung: MC 1123167, số máy FMB1123167 có giá trị là 2.250.000 đồng; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Prime, màu vàng trắng có giá trị 750.000 đồng; Tổng cộng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKSTT ngày 16/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị tổng hợp hình phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại bản án của Tòa án nhân dân huyện Mỹ X. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại ông Lê Văn L yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật và yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 3.000.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng. Tại lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan Điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu

nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại em Lê Quốc K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan em Lê Trường A và người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ, ông Lê Xuân V vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt không cản trở việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/01/2021 bị cáo Trịnh Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của gia đình bị hại là điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime và xe mô tô nhãn hiệu Waye C, màu sơn trắng bạc, biển số 83PT-113.81 do bị hại em Lê Quốc K đang quản lý, nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin giả để lừa dối em K, hứa mua cho em K điện thoại di động và cục sạc dự phòng nên K đã tin tưởng đi cùng bị cáo đến cửa hàng Điện Máy Xanh thị trấn Phú L tại đây K đã giao xe, điện thoại cho bị cáo để đi rút tiền trong thẻ ATM để thanh toán cho Điện Máy Xanh. Sau khi lừa K lấy được tài sản thì bị cáo đem bán được số tiền 500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Tại bản kết luận định giá số 2264/KL-HĐĐGTS ngày 16/06/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Sóc Trăng kết luận tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Hành vi của bị cáo Trịnh Văn T đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", bị cáo có nhiều tiền án về tội xâm phạm sở hữu, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 11/9/2019 nhưng chưa được xóa án tích, khi chấp hành xong không cải sửa bản thân lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này là thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" thuộc tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, Cáo trạng số 02/CT-VKSTT ngày 16/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điều luật đã viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là chủ thể có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối, lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do vậy, cần có một mức án tương thích để đảm bảo giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xét xử và kết án về hành vi xâm phạm quyền sở hữu. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại em Lê Quốc K chỉ mới 15 tuổi 05 tháng 28 ngày nên đã vi phạm tình tiết tăng nặng "Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi" được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng một hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết tuân thủ pháp luật và có ích cho xã hội sau này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đều thống nhất mức bồi thường thiệt hại số tiền 3.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại em Lê Quốc K (do ông Lê Văn L là người đại diện) số tiền 3.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích nêu trên toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phí đều đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại Bản án số 27/2021/HS-ST ngày 03/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo Trịnh Văn T chấp hành hình phạt chung 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 03/3/2021.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trịnh Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại em Lê Quốc K (ông Lê Văn L là người đại diện hợp pháp) số tiền thiệt hại về tài sản 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trịnh Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí

dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Công an huyện Thạnh T
(Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, CQTHAHS);
- CCTHADS huyện Thạnh T;
- Bị cáo; Bị hại; Đại diện HP bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nghiệp